TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HS-ST
Ngày: 26-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Trần Thị Thanh Tuyền.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Ông **Trương Hoàng Hoa.**

- Ông **Nguyễn Văn Bé.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/HSST-QĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh N (tên gọi khác là Năm), sinh năm 1982 tại tỉnh Tiền Giang; Căn cước công dân: 082082011313; Nơi thường trú và cư trú hiện nay: ấp T, xã Tg, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1950 và bà Lê Thanh L, sinh năm 1953; Bị cáo có 05 anh chị em; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 10/8/2005, Nguyễn Minh N bị Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 53/2005/HSST. Đã được xóa án tích.

+ Ngày 08/8/2006, N bị Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 67/2006/HSST. Đã được xóa án tích.

+ Ngày 18/3/2008, N bị Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 56/2008/HSST. Đã được xóa án tích.

+ Ngày 26/11/2019, N bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 87/2019/HSST. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt và giam từ ngày 05/12/2023 đến ngày 03/3/2024 được bảo lãnh tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Duy C , sinh năm 1990 tại tỉnh Tiền Giang; Căn cước công dân: 082090003597; Nơi thường trú và cư trú hiện nay: ấp P, xã L, huyện T , tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố P, Thị trấn T, huyện T , tỉnh Tiền Giang); Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 và bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1961; Bị cáo có 02 chị ruột. Bị cáo có vợ là Lâm Thị Thu T và 02 con sinh năm 2015 và 2018;

- Tiền sự: không.

- Tiền án: 01 lần. Ngày 23/02/2022, Nguyễn Duy C bị Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự xử phạt 01 (Một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 19/2022/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/7/2022. Chưa được xóa án tích.

- Nhân thân:

+ Ngày 24/3/2016, Nguyễn Duy C bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 01 (Một) năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 04/2016/HSST. Đã được xóa án tích.

+ Ngày 19/6/2019, C bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự xử phạt 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 34/2019/HSST. Đã được xóa án tích.

+ Ngày 26/11/2019, C bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự xử phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 87/2019/HSST. Tổng hợp hình phạt 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo theo Bản án số 34/2019/HSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, buộc C phải chấp hành hình phạt 02 (Hai) năm tù. Đã chấp hành xong và được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt và giam từ ngày 05/12/2023 đến ngày 03/3/2024 được bảo lãnh tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo C : Ông **Nguyễn Văn Châu**, sinh năm 1964 Là cha ruột của bị cáo. Địa chỉ: Khu phố Tân Phong, thị trấn Tân Hiệp, huyện T , tỉnh Tiền Giang.

- *Người bào chữa của bị cáo N , bị cáo C* : Luật sư **Hồ Thị Nệ**-Văn phòng luật sư Hồ Thị Nệ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

- *Bị hại*:

+ **Võ Văn T**, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

+ Nguyễn Thị Bích V , sinh năm 1979;

Nơi cư trú: ấp A, xã M , huyện C, tỉnh Tiền Giang;

+ Nguyễn Thị P , sinh năm 1964;

Nơi cư trú: ấp M, xã M , huyện C, tỉnh Tiền Giang;

+ Phan Thị L , sinh năm 1967;

Nơi cư trú: ấp Hưng, xã Nhị Bình, huyện T , tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ **Hồ Thị Ái V** , sinh năm 1988;

Nơi cư trú: tổ 34, khóm 4, Phường 6, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

+ Dương Thị Đ , sinh năm 1969;

Nơi cư trú: ấp P, xã T , huyện T , tỉnh Tiền Giang;

+ Võ Tấn L , sinh năm 1993;

Nơi cư trú: ấp C, xã P , huyện C, tỉnh Tiền Giang;

+ Phạm Bá L , sinh năm 1967;

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

+ Bùi Văn Đ , sinh năm 1972;

Nơi cư trú: ấp M, xã M , huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng*: **Dương Nhựt T**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: ấp P, xã L, huyện T , tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 05/12/2023, sau khi đi công việc về nhà thì anh Võ Văn T, ngụ ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang phát hiện bị mất trộm tài sản là 01 xe đạp điện hiệu HITASA, màu đỏ đen nên anh Thảo trình báo công an xã S, huyện C. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, công an xã H , huyện C tuần tra phát hiện

Nguyễn Duy C đang điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 66M2-1691 đẩy 01 xe đạp điện do Nguyễn Minh N điều khiển có biểu hiện nghi vấn nên truy đuổi, sau đó lực lượng công an bắt được N và C .

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Minh N và Nguyễn Duy C đã khai nhận: Do không có tiền tiêu xài nên khoảng 10 giờ ngày 05/12/2023, C rủ N đi tìm tài sản để trộm cắp thì N đồng ý. C điều khiển xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 66M2-1691 chở N chạy vòng vòng các xã thuộc huyện C, tỉnh Tiền Giang để tìm tài sản. Khi chạy ngang nhà anh Thảo thì N phát hiện trước hành lang nhà có dựng một chiếc xe đạp điện nhãn hiệu HITASA, màu đỏ đen, không có người trông coi nên C đậu xe trước nhà và cảnh giới, N đi bộ vào trong nhà rồi đẩy xe đạp điện ra ngoài. Do xe đạp điện không có chìa khóa nên N ngồi lên xe đạp điện để C điều khiển xe mô tô hai bánh đẩy chạy về hướng huyện T , tỉnh Tiền Giang. Khi cả hai đến khu vực chợ Bến Tranh thuộc xã H , huyện C thì N và C bị công an xã H phát hiện, yêu cầu dừng lại. N bỏ lại xe đạp điện rồi lên xe mô tô hai bánh biển số 66M2-1691 để C chở chạy về hướng xã Tam Hiệp, huyện T . Do bị công an truy đuổi nên cả hai bị té xe, N bị bắt còn C bỏ chạy. Sau đó, C gọi điện thoại nhờ anh Dương Nhựt T, sinh năm 1985, ngụ ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện T , tỉnh Tiền Giang chở về thì anh Tấn đồng ý và điều khiển xe mô tô hai bánh đến rước C . Khi Tấn và C đang chạy trên đường thì bị lực lượng công an bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 74/KL-ĐGTS ngày 06/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (Một) xe đạp điện hiệu HITASA, màu đỏ đen, phía trước có gắn rổ xe. Xe được mua mới vào tháng 07/2023. Giá 11.700.000 đồng/chiếc x 01 cái x 80% = 9.360.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Minh N và Nguyễn Duy C khai nhận ngoài vụ trộm xe đạp điện vào ngày 05/12/2023, N và C còn thực hiện nhiều vụ trộm xe đạp điện khác trên địa bàn huyện C và huyện T , tỉnh Tiền Giang. Cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất:

Khoảng 11 giờ ngày 16/6/2023, C rủ N đi "đá xe" (nghĩa là tìm xe sơ hở của người khác để trộm) thì N đồng ý. C điều khiển xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 66M2-1691 chở N chạy về hướng xã M , huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khi chạy ngang nhà chị Nguyễn Thị Bích V , ngụ ấp A, xã M thì N phát hiện trước cửa nhà có dựng một chiếc xe đạp điện, không có người trông coi. C điều khiển xe đậu trước cửa nhà và cảnh giới, N đi bộ vào nhà lấy trộm xe đạp điện của chị Vân. Do xe đạp điện có gắn sẵn chìa khóa nên N điều khiển xe chạy về hướng sân bóng đá Tân Hiệp thuộc thị trấn Tân Hiệp, huyện T , tỉnh Tiền Giang. Sau đó, N điện thoại cho một người tên Tuấn (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) đến để bán xe đạp điện, sau khi thương lượng thì N bán xe đạp điện cho Tuấn với giá 1.000.000 đồng. N chia cho C 500.000 đồng, số tiền bán xe cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 19/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (Một) xe đạp điện hiệu

HITASA Min 22, màu đỏ, phía trước có gắn rổ xe. Xe được mua mới vào tháng 7/2018; Giá 8.600.000 đồng/chiếc x 01 chiếc x 25% = 2.150.000 đồng.

- Vụ thứ hai:

Khoảng 13 giờ ngày 02/11/2023, N rủ C tìm tài sản trộm cắp thì C đồng ý. C điều khiển xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 66M2-1691 chở N chạy vòng các xã thuộc huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khi chạy ngang nhà bà Nguyễn Thị P , ngụ ấp Mỹ Thọ, xã M , huyện C thì N phát hiện trước hành lang nhà chị Phượng có dựng một chiếc xe đạp điện, không có người trông coi. C điều khiển xe đậu trước cửa nhà và cảnh giới, N đi bộ vào nhà lấy trộm xe đạp điện của bà Phượng rồi dẫn ra ngoài. Do xe đạp điện không có chìa khóa nên N ngồi lên xe đạp điện để C điều khiển xe mô tô hai bánh đẩy chạy về hướng huyện T , tỉnh Tiền Giang. Sau đó, N bán xe đạp điện cho một người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 1.000.000 đồng, N chia cho C 400.000 đồng, số tiền bán xe cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-ĐGTS ngày 22/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (Một) xe đạp điện hiệu ASAMA, màu đen, phía trước có gắn rổ xe. Xe được mua mới vào năm 2019; Giá 9.200.000 đồng/chiếc x 01 chiếc x 30% = 2.760.000 đồng.

- Vụ thứ ba:

Khoảng 12 giờ ngày 03/12/2023, N rủ C tìm tài sản trộm cắp thì C đồng ý. C điều khiển xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, màu xanh đỏ, biển số 63T1-5501 chở N chạy vòng vòng các xã thuộc huyện T , tỉnh Tiền Giang. Khi chạy ngang nhà bà Phan Thị N, ngụ ấp H, xã B, huyện T thì N phát hiện xe đạp điện của bà Phan Thị L (bà Lép là chị ruột và ngụ cùng ấp với bà Nguyên) đang dựng phía trước, không có người trông coi. C điều khiển xe đậu trước nhà, N đi bộ vào nhà lấy trộm xe đạp điện của bà Lép rồi dẫn ra ngoài. Do xe đạp điện không có chìa khóa nên N ngồi lên xe đạp điện để C điều khiển xe mô tô hai bánh đẩy chạy về hướng huyện P , tỉnh Tiền Giang. Sau đó, C mang xe đạp điện đến khu vực gần Trung tâm y tế huyện T và bán xe cho bà Dương Thị Đ , sinh năm 1969, ngụ ấp P, xã T , huyện T với giá 2.000.000 đồng. C chia cho N 950.000 đồng, số tiền bán xe cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 185/BKL-HĐĐG ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (Một) xe đạp điện hiệu SONSU, màu xanh đen, phía trước có gắn rổ, xe không có chìa khóa có giá là 7.000.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản (04 xe đạp điện) trong 04 vụ trộm vào các ngày 16/6/2023, 02/11/2023, 03/12/2023 và 05/12/2023 là 21.270.000 đồng.

* Kết luận giám định pháp y tâm thần số 302/KL-VPYTW ngày 07/5/2024 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa – Bộ y tế kết luận đối với Nguyễn Minh N :

- Về y học: Trước, trong khi gây án ngày 16/6/2023, 02/11/2023, 03/12/2023, 05/12/2023, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70 – ICD.10)/HBs Ag (+).

- Về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án ngày 16/6/2023, 02/11/2023, 03/12/2023, 05/12/2023: Đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* Kết luận giám định pháp y tâm thần số 301/KL-VPYTW ngày 07/5/2024 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa - Bộ y tế kết luận đối với Nguyễn Duy C :

- Về y học: Trước, trong khi gây án ngày 16/6/2023, 02/11/2023, 03/12/2023, 05/12/2023, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07.8 – ICD.10).

- Về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án ngày 16/6/2023, 02/11/2023, 03/12/2023, 05/12/2023 và hiện nay: Đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* Kết luận giám định số 1755/KL-KTHS(Đ2) ngày 06/01/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

- 01 (Một) xe mô tô hai bánh, màu sơn xanh, gắn biển số 66M2-1691: số khung RMNWCHKMN7H008200, số máy VHLFM152FMH-V708200 trước và sau giám định không đổi.

- 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 077695; tên chủ xe: Hồ Thị Ái V , địa chỉ: Mỹ Tây-TT Mỹ Thọ-H. Cao Lãnh; nhãn hiệu: PLATCO; màu sơn: Đen-Xám; số khung: 7H-008200; số máy: V708200; biển số đăng ký: 66M2-1691; cấp ngày 19/9/2008 (ký hiệu A) là thật.

* Kết luận giám định số 212/KL-KTHS(Đ2) ngày 23/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang kết luận đối với xe mô tô hai bánh biển số 63T1 – 5501:

- Số khung:

+ Trước giám định: 203216.

+ Sau giám định: Số nguyên thủy bị mài mòn, không đọc được. Số "203216" là số đóng mới.

- Số máy: VHLFM152FMH-V 342982 trước và sau giám định không đổi.

* *Bị hại anh Võ Văn T khai nhận*: Khoảng 14 giờ ngày 05/12/2023, sau khi đi công việc về nhà thuộc ấp B, xã S, huyện C thì anh phát hiện bị mất một xe đạp điện hiệu Hitasha, tổng giá trị khoảng 11.700.000 đồng. Cơ quan điều tra Công an huyện C đã trả lại xe cho anh nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

* *Bị hại bà Phan Thị L khai nhận*: Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 03/12/2023 bà chạy chiếc xe đạp điện đến nhà em bà cùng ấp. Bà dựng xe trong hàng rào và rút chìa khóa đi vô nhà, khoảng 10 phút phát hiện chiếc xe bị mất. Hiện bà đã nhận lại xe nên không yêu cầu bồi thường gì.

* *Bị hại chị Nguyễn Thị Bích V khai nhận*: Khoảng 11 giờ ngày 16/6/2023, con gái chị là Nguyễn Thị Kiều Quanh sau khi đi học về để xe đạp điện nhãn hiệu Hitasa Min 22 màu đỏ trước sân nhà rồi đi vào nhà, khoảng 15 phút sau đi ra thì phát hiện xe đã bị mất. Xe đạp điện này chị mua năm 2018 với giá 8.200.000 đồng. Chị đã nhận 2.000.000 đồng tiền bồi thường từ bị cáo N và C , chị không yêu cầu bồi thường thêm.

* *Bị hại bà Nguyễn Thị P khai nhận*: Khoảng 17 giờ ngày 02/11/2023, bà Phượng sau khi rước cháu nội đi học về để xe đạp điện nhãn hiệu Asama sạc điện trước sân nhà rồi đi vào nhà, khoảng 10 phút sau ra xem thì phát hiện xe bị mất. Xe này bà mua năm 2019 với giá 9.000.000 đồng. Bà đã nhận 2.000.000 đồng tiền bồi thường từ bị cáo N và C , bà không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSCG ngày 01/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Minh N và bị cáo Nguyễn Duy C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo khai nhận về hành vi các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố.

- Bị hại chị Nguyễn Thị Bích V không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, q, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, bị cáo C chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo phạm tội « Trộm cắp tài sản ».

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C từ từ 18 tháng đến 21 tháng tù.

Các bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung công quỹ hai xe mô tô các bị cáo sử dụng đi trộm tài sản.

+ Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả tài sản cho bị hại, các bị cáo cũng bồi thường các bị hại và các bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét.

- Các bị cáo không bào chữa.

- Luật sư Hồ Thị Nệ có bài phát biểu bào chữa cho các bị cáo như sau: Luật sư thống nhất với tội danh của các bị cáo bị truy tố. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì thời điểm phạm tội bị cáo N bị chậm phát triển tâm thần nhẹ, bị cáo C thì bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn, nên ý thức phạm tội bị hạn chế. Các bị cáo có trình độ học vấn thấp, gia đình thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, tài sản phạm tội không lớn. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xủ xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và xin Tòa xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo trị bệnh và chăm sóc gia đình.

- Ông Châu người đại diện hợp pháp của bị cáo C xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho C vì hồi nhỏ bị tai nạn, sức khỏe bị ảnh hưởng, mới đây C bị tai nạn gãy chân đang điều trị, mong được xem xét để C làm lại cuộc đời chăm sóc vợ con.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy mình sai, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Linh có đơn xin vắng mặt, các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt. Xét việc bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có lời khai tại hồ sơ và không yêu cầu gì đối với các bị cáo. Việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[3.1] Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình: Do không có tiền tiêu xài nên vào các ngày 16/6/2023, 02/11/2023, 03/12/2023 và 05/12/2023, trên địa bàn các xã M , xã S, huyện C và xã B, huyện T , tỉnh Tiền Giang, bị cáo Nguyễn Minh N và bị cáo Nguyễn Duy C cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 04 xe đạp điện của những người bị hại gồm chị Nguyễn Thị Bích V , bà Nguyễn Thị P , anh Võ Văn T và bà Phan Thị L , sau đó đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 21.270.000 đồng.

[3.2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Minh N và Nguyễn Duy C phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…."

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại. Nhằm mục đích muốn có tiền tiêu xài cá nhân, ý thức lười lao động nhưng lại thích hưởng thụ các bị cáo đã có hành vi lén lút lấy tài sản của bị hại. Hành vi này của các bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền tài sản của người khác; Bản thân các bị cáo đã từng bị xử lý và xử phạt về hành vi tội trộm cắp tài sản tuy nhiên vẫn thực hiện các hành vi về trộm cắp tài sản, thể hiện việc xem thường pháp luật. Đồng thời các bị cáo thực hiện trộm cắp tài sản liên tục làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây tư tưởng hoang mang, lo lắng, bất an trong quần chúng nhân dân. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo:

[5.1] Tình tiết tăng nặng:

Bị cáo C và bị cáo N có tình tiết tăng nặng là phạm tội 2 lần trở lên theo điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự vì thực hiện nhiều vụ trộm liên tiếp nhau về mặt thời gian. Riêng bị cáo C có tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự bởi lẽ bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 19/2022/HSST ngày 23/02/2022. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/7/2022, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường hết cho các bị hại, thời điểm phạm tội các bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân không tốt vì đều bị các Tòa án xét xử về tội trộm cắp tài sản nhiều lần.

[6] Vai trò của các bị cáo:

Trong vụ án này có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo đều thống nhất đi trộm cắp tài sản, không có bàn bạc hay phân công nhiệm vụ khi phạm tội.

Với tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình để tuyên xử mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo. Xét cần thiết phải buộc các bị cáo cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì các bị cáo không có thu nhập ổn định.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Võ Văn T, Phan Thị L đã nhận lại tài sản bị mất, bị hại Nguyễn Thị Bích V , Nguyễn Thị P đã nhận bồi thường của các bị cáo. Các bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với xe mô tô hai bánh, kiểu dáng Wave, màu sơn xanh, gắn biển số 66M2-1691 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 077695, biển số đăng ký 66M2-1691: Hội đồng xét xử xét thấy về nguồn gốc xe này do chị Hồ Thị Ái V đứng tên chủ sở hữu. Chị Vân khai nhận chị mua xe sử dụng đến năm 2009 thì bán xe cho một người không rõ họ tên, địa chỉ, khi bán không làm giấy tờ và thủ tục sang tên. Hiện tại chị Vân không có yêu cầu gì. Bị cáo C xác định mua xe của người khác rồi đưa cho N quản lý, sử dụng. Bị cáo N tại phiên tòa có xin xem xét cho bị cáo nhận lại vì bị cáo rất khó khăn. Xét đây là phương tiện hai bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội ngày 16/6/2023, 02/11/2023 và 05/12/2023 nên cần tịch thu sung công quỹ theo quy định.

- Đối với xe mô tô hai bánh màu xanh đỏ, biển số 63T1-5501: Bị cáo C tại phiên tòa thừa nhận đây là xe của anh Định. Quá trình điều tra anh Định khai nhận xe này thuộc sở hữu của anh. Anh Định là chủ tiệm sửa chữa xe máy, C làm thuê cho anh Định. Do C không có xe làm phương tiện đi lại nên anh Định kêu C lấy sườn xe và lốc máy (do anh Định mua phế liệu) lắp ráp thành xe mô tô hai bánh để sử dụng, biển số 63T1-5501 anh Định nhặt ở bãi phế liệu. Biển số 63T1- 5501 là của xe mô tô hai bánh hiệu SYMEN do anh Võ Tấn L đứng tên chủ sở hữu. Anh Linh mua xe sử dụng sau đó bị mất xe, anh Linh không trình báo công an. Tra cứu số máy VHLFM152FMH-V 342982 là của xe mô tô hai bánh hiệu SYMEN, biển số 63H5-0842 do ông Phạm Bá L đứng tên chủ sở hữu. Ông Lân mua xe sử dụng đến năm 2019 thì bị mất xe, do xe đã cũ nên ông Lân không trình báo công an. Hiện tại anh Bùi Văn Đ không có yêu cầu gì, anh Võ Tấn L và ông Phạm Bá L không yêu cầu nhận lại biển số 63T1-5501 và lốc máy xe đã bị mất. Đồng thời xét thấy đây là phương tiện các bị cáo sử dụng để đi trộm tài sản ngày 03/12/2023 nên cần tịch thu sung quỹ.

[10] Các vấn đề khác:

- Bà Dương Thị Đ khi mua xe đạp điện hiệu Sonsu màu xanh đen của C ngày 03/12/2023 với giá 2.000.000 đồng, bà không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, bị cáo thì nói đây là xe do đá gà thua người ta nhờ bán nên không có cơ sở xử lý bà Đầm về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Anh Dương Nhựt T và anh Bùi Văn Đ không biết N và C trộm cắp tài sản nên không cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Tấn và anh Định.

- Đối với người tên Tuấn mà N khai là bán xe đạp điện nhưng không rõ tên cụ thể và địa chỉ nên không thể xem xét theo quy định.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[12] Xét lời bào chữa của Luật sư có cơ sở một phần nên được chấp nhận một phần.

[13] Xét phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Minh N** và bị cáo **Nguyễn Duy C** phạm tội "**Trộm cắp tài sản**".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, q, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Minh N **01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án trừ thời gian giam giữ từ ngày 05/12/2023 đến ngày 03/3/2024.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, q, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Duy C **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án trừ thời gian giam giữ từ ngày 05/12/2023 đến ngày 03/3/2024.

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ 01 xe mô tô hai bánh, kiểu dáng Wave, màu sơn xanh, gắn biển số 66M2-1691 và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 077695, biển số đăng ký 66M2-1691; 01 (Một) xe mô tô hai bánh màu xanh đỏ, biển số 63T1-5501.

(Theo biên bản giao vật chứng ngày 29/4/2025)

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo N , bị cáo C , bị hại Bích Vân, ông Châu được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bào chữa cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang (P7);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tuyền